

Bản án số: 09/2021/HS-ST

Ngày: 29/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoài Bảo**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Đức Dũng**.

2. Bà **Lại Thị Thúy Hằng**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Thái Học**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Sơn** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 71/2020/TLST-HS ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. N A K, sinh năm 1995, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp A2, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N, sinh năm: 1966 và bà N T, sinh năm: 1963; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

2. Đ N T(Thơm), sinh năm 1979, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp 3, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Văn Ro, sinh năm: 1952 và bà H P (đã chết); vợ V N, sinh năm: 1982 và có 01 con, sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

3. T M T (Nheo), sinh năm 1988, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp 3, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T TT, sinh năm: 1959 và bà L T, sinh năm: 1957; vợ T L, sinh năm: 1988 và có 01 con sinh năm: 2019; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2020 cho đến nay.

(Bị cáo vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

4. N T T, sinh năm 1976, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp P, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N L, sinh năm: 1945 và bà C T, sinh năm: 1950; vợ H D, sinh năm: 1981 và có 02 con, sinh năm 2006 và năm 2012; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

5. T V T, sinh năm 1990, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp G, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông T T, sinh năm: 1961 và bà N L, sinh năm: 1960; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

6. H V L(Phên), sinh năm 1976, tại Bến Tre; nơi cư trú: Ấp 5A, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H V, sinh năm: 1952 và bà H T, sinh năm: 1951; vợ N E, sinh năm: 1977 và có 01 con, sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21/9/2020 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt)

Người làm chứng:

1. Ông N T, sinh năm: 1979 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Ấp 6, xã N, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Ông N T T, sinh năm: 1982 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Ấp A, xã An B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Ông T V C, sinh năm: 1978 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre.

4. Ông N T A, sinh năm: 1985 (vắng mặt không có lý do).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

N A K, Đ NT, T M T, N T T, T V T, H V L đều là tài xế lái xe tải từ tỉnh Bình Định về tỉnh Bến Tre. Khoảng 20 giờ 20 phút ngày 31/7/2020, sau khi tạm nghỉ ăn cơm, uống nước tại quán nước của bà Đoàn Thị Vân nằm trong khuôn viên của trạm dừng chân cao tốc Long Thành – Dầu Giây – thành phố Hồ Chí Minh thuộc ấp 5, xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ thì K, T, TR, TH, L, THO rủ nhau đánh bạc bằng hình thức đánh “ Bài cào” thắng thua bằng tiền.

Hình thức đánh “ Bài cào” như sau: Người chơi sử dụng 01 bộ bài tây 52 lá. Mỗi ván người chơi sẽ đặt cược số tiền 100.000 đồng. Bắt đầu ván bài, mỗi người sẽ được chia 03 lá bài rồi lật lên và tính điểm, ai có số điểm cao nhất sẽ là người thắng cuộc và thắng hết toàn bộ số tiền của những người chơi đã đặt cược và là người chia bài ở ván tiếp theo. Trong T hợp bằng điểm nhau thì những người có điểm cao nhất chia nhau số tiền thắng cược.

Đến khoảng 21 giờ 20 phút cùng ngày, khi K, T, TR, TH, L, THO đang đánh bạc thì bị Công an huyện Cẩm Mỹ bắt quả tang.

Quá trình điều tra đã xác định số tiền mà các bị cáo sử dụng để đánh bạc như sau:

1. Bị cáo N A K sử dụng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc. Khi đang đặt cược 100.000 đồng trên chiếu bạc thì bị bắt. Lúc này, K đã thua 150.000 đồng, còn lại 650.000 đồng trên người bị thu giữ.

2. Bị cáo Đ N T mang theo số tiền 24.700.000 đồng nhưng T sử dụng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc, còn 23.700.000 đồng T khai sử dụng để lấy hàng. Khi T đang đặt cược 100.000 đồng trên chiếu bạc thì bị bắt. Lúc này, T không thắng, không thua, bị thu giữ trên người số tiền 24.600.000 đồng.

3. Bị cáo T M T sử dụng số tiền 725.000 đồng để đánh bạc. Khi TR đang đặt cược 100.000 đồng trên chiếu bạc thì bị bắt. Lúc này, TR đã thắng được 300.000 đồng, bị thu giữ trên người số tiền 925.000 đồng.

4. Bị cáo N T T mang theo số tiền 1.750.000 đồng nhưng TH sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, còn 1.250.000 đồng TH khai sử dụng để làm lộ phí đi đường. Khi TH đang đặt cược 100.000 đồng trên chiếu bạc thì bị bắt. Lúc này, TH đã thua số tiền 400.000 đồng, bị thu giữ trên người số tiền 1.250.000 đồng.

5. Bị cáo T V T mang theo số tiền 13.200.000 đồng nhưng THO sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, còn lại 11.200.000 đồng dùng để lấy hàng. Khi THO đang đặt cược 100.000 đồng trên chiếu bạc thì bị bắt. Lúc này, THO đã thua số tiền 100.000 đồng, bị thu giữ trên người số tiền 13.000.000 đồng.

6. Bị cáo H V L mang theo số tiền 1.150.000 đồng nhưng L sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, còn lại 450.000 đồng L khai sử dụng làm lộ phí đi đường. Khi L

đang đặt cược 100.000 đồng trên chiều bạc thì bị bắt. Lúc này, L đã thắng được 350.000 đồng, bị thu giữ trên người số tiền 1.400.000 đồng.

Ngoài ra, Công an huyện Cẩm Mỹ còn bắt quả tang ở bàn bên cạnh có 04 đối tượng gồm N T, sinh năm 1979 ngụ ấp 6, xã Ngãi Trung, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; N T T, sinh năm 1982 ngụ ấp An Lợi, xã An Bình Tây, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre; T V C, sinh năm 1978 ngụ ấp Kinh Ngoài, xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre; N T A, sinh năm 1985 ngụ ấp An Nhơn, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (đều là tài xế xe tải từ Bình Thuận về tỉnh Bến Tre) đang đánh bạc bằng hình thức đánh bài “ Binh xập xám” thắng thua bằng tiền, thu giữ số tiền 400.000 đồng trên chiều bạc; 31.590.000 đồng trên người các đối tượng. Trong đó xác định:

N T khai mang theo số tiền 5.420.000 đồng nhưng Tân sử dụng 650.000 đồng để đánh bạc, còn lại 4.620.000 đồng dùng để làm chi phí đi đường.

T V C khai mang theo số tiền 21.080.000 đồng nhưng Cường sử dụng 1.080.000 đồng để đánh bạc, còn lại 20.000.000 đồng là tiền hàng và chi phí đi đường

N T A khai mang theo và sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc.

N T T mang theo số tiền 5.590.000 đồng nhưng Tuấn sử dụng 350.000 đồng để đánh bạc, còn lại 5.090.000 đồng để làm lộ phí đi đường.

Như vậy, tổng số tiền mà các đối tượng Tân, Cường, Ân, Tuấn sử dụng để đánh bạc là 2.280.000 đồng.

Tang vật thu giữ:

- Tại sòng bạc đánh Bài cào:

+ 42.425.000 đồng, trong đó: 600.000 đồng thu trên chiều bạc; 41.825.000 đồng thu giữ trên người của K, T, TR, TH, THO, L; 01 bộ bài tây đã qua sử dụng . Hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ.

+ 01 điện THO di động hiệu Samsung A51; 01 điện THO di động hiệu Samsung A10; 01 điện THO di động hiệu Samsung A71; 01 điện THO di động hiệu OPPO, màu trắng; 01 điện THO di động hiệu OPPO, màu trắng xám; không liên quan đến việc đánh bạc nên đã trả lại cho TH, L, K, THO, TR.

- Tại sòng bạc đánh Binh xập xám:

+ Số tiền 2.280.000 đồng dùng để đánh bạc nên đã chuyển nộp vào Kho bạc Nhà nước huyện Cẩm Mỹ;

+ 01 bộ bài tây đã qua sử dụng; 01 bộ bài tây chưa sử dụng. Đã tiến hành tiêu hủy theo quy định;

+ Số tiền 20.000.000 đồng và 01 điện THO di động hiệu Nokia, không liên quan đến việc đánh bạc nên đã trả lại cho T V C;

+ Số tiền 4.620.000 đồng và 01 điện THO di động hiệu Nokia; 01 điện THO di động hiệu Iphone 6 plus, không liên quan đến việc đánh bạc nên đã trả lại cho N T.

+ Số tiền 5.090.000 đồng, 01 điện THO di động hiệu Samsung và 01 điện THO di động hiệu Nokia, không liên quan đến việc đánh bạc nên đã trả lại cho N T T.

+ 01 điện THO di động hiệu Nokia, màu đen, không liên quan đến việc đánh bạc nên đã trả lại cho N T A.

Tại bản cáo trạng số 68/CT-VKSCM ngày 24/11/2020 Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai truy tố các bị cáo N A K, Đ NT, T M T, N T T, T V T, H V L về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Đánh bạc”.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt:

Bị cáo T V T mức án từ 08 tháng đến 10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Bị cáo N A K mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Bị cáo T M T mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Bị cáo N T T mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Bị cáo H V L mức án từ 07 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Bị cáo Đ N T mức án từ 06 tháng đến 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 3, Điều 321 của Bộ luật hình sự phạt bổ sung mỗi bị cáo từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Đối với N T, N T T, T V C, N T A có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài “Bình xập xám” ăn thua bằng tiền nhưng số tiền sử dụng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng; đồng thời Tân, Tuấn, Cường, Ân, chưa có tiền án, tiền sự về tội “Đánh bạc”, Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” nên hành vi của Tân, Tuấn, Cường, Ân không cấu thành tội “Đánh bạc”. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai chuyển hồ sơ cho Công an huyện Cẩm Mỹ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tân, Tuấn, Cường, Ân là phù hợp.

Đối với bà Đoàn Thị Vân, khi các bị cáo đến quán của bà Vân uống nước xong thì tự ý lấy bài ra đánh mà không xin phép bà Vân. Lúc này quán nước của bà Vân đang đông khách, bà bận buôn bán nên khi thấy các bị cáo lấy bài ra đánh, bà Vân nghĩ đánh để giải trí, không sát phạt ăn thua bằng tiền nên không ngăn cản. Do đó, hành vi của bà Vân không đồng phạm với các bị cáo về tội đánh bạc.

Lời nói sau cùng của các bị cáo:

N A K: Bị cáo biết lỗi bị cáo hứa không tái phạm, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đ NT: Bị cáo biết hành vi của mình là sai, xin cho bị cáo mức án nhẹ để bị cáo có điều kiện chăm lo gia đình. Bị cáo sẽ không tái phạm.

N T T: Bị cáo biết sai, xin giảm nhẹ hình phạt.

T V T: Bị cáo biết lỗi hứa không tái phạm.

Hồ Văn L: Bị cáo biết hành vi mình không đúng, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với bị cáo T M T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt do hiện nay bị cáo đang điều trị bệnh không thể tham gia phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c, khoản 2, Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt đối với bị cáo TR.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, các bị cáo N A K, Đ NT, N T T, T V T, H V L khai nhận hành vi phạm tội do mình thực hiện như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, lời khai này phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 20 giờ 20 phút ngày 31/7/2020 các bị cáo N A K, Đ NT, T M T, N T T, T V T, H V L có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh “ Bài cào” thắng thua bằng tiền, số tiền sử dụng để đánh bạc là 5.825.000 đồng. Đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo N A K, Đ NT, T M T, N T T, T V T, H V L phạm tội “ Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện Kiểm Sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Đánh bạc là tệ nạn xã hội, dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như phá tán tài sản, làm tan vỡ hạnh phúc gia đình, và làm phát sinh các hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng khác như giết người, cướp, trộm cắp tài sản.... Hành vi của các bị cáo trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng, trật tự TR an, nếp sống văn minh của xã hội. Do đó cần xử các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi và mức độ phạm tội của các bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo đều là người thực hành, các bị cáo cùng đề xuất việc đánh bạc, các bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc tương đương

nhau, trong đó số tiền mà các bị cáo sử dụng đánh bạc như sau: bị cáo THO sử dụng 2.000.000 đồng, bị cáo T sử dụng 1.000.000 đồng, bị cáo K sử dụng 900.000 đồng, bị cáo TR sử dụng 725.000 đồng, bị cáo L sử dụng 700.000 đồng, bị cáo TH sử dụng số tiền 500.000 đồng. Tuy nhiên trong quá trình điều tra truy tố và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc T hợp ít nghiêm trọng đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự; bị cáo T có ông nội là thương binh, có công với nước nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đưa ra mức án phù hợp đối với từng bị cáo.

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, việc tham gia đánh bạc chỉ là bộc phát nhất thời, số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc không lớn, các bị cáo có nơi cư trú và việc làm ổn định, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Căn cứ vào hướng dẫn tại nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo”, hội đồng xét xử xét thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù, mà chỉ cần xử phạt các bị cáo mức án tù nhưng cho hưởng án treo với một thời gian thử thách cũng đủ để giáo dục bị cáo và cho bị cáo cơ hội để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền không lớn, đều là lao động phổ thông nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Đối với N T, N T T, T V C, N T A có hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh bài “ Binh xập xám” ăn thua bằng tiền nhưng số tiền sử dụng để đánh bạc dưới 5.000.000 đồng; đồng thời Tân, Tuấn, Cường, Ân, chưa có tiền án, tiền sự về tội “Đánh bạc”, “Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc” nên hành vi của Tân, Tuấn, Cường, Ân không cấu thành tội “Đánh bạc”. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai chuyển hồ sơ cho Công an huyện Cẩm Mỹ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Tân, Tuấn, Cường, Ân là phù hợp.

Đối với bà Đoàn Thị Vân, khi các bị cáo đến quán của bà Vân uống nước xong thì tự ý lấy bài ra đánh mà không xin phép bà Vân. Lúc này quán nước của bà Vân đang đông khách, bà bận buôn bán nên khi thấy các bị cáo lấy bài ra đánh, bà Vân nghĩ đánh để giải trí, không sát phạt ăn thua bằng tiền nên không ngăn cản. Do đó, hành vi của bà Vân không đồng phạm với các bị cáo về tội đánh bạc.

[6] Về xử lý vật chứng:

Số tiền 5.825.000 đồng mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

Đối với 01 bộ bài tây đã qua sử dụng, xét thấy không có giá TR sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

Trả lại cho các bị cáo số tiền không dùng để đánh bạc cụ thể: Trả cho bị cáo Đ N T số tiền 23.700.000 đồng; bị cáo N T T số tiền 1.250.000 đồng; bị cáo T V T 11.200.000 đồng; bị cáo H V L 450.000 đồng.

Đối với 01 điện THO di động hiệu Samsung A51; 01 điện THO di động hiệu Sam Sung A10; 01 điện THO di động hiệu Samsung A71; 01 điện THO di động hiệu OPPO, màu trắng; 01 điện THO di động hiệu OPPO, màu trắng xám, không liên quan đến việc phạm tội, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Mỹ đã trả lại cho các bị cáo là có căn cứ.

[7] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Đề nghị của Viện kiểm sát: Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, điều khoản, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác trong vụ án là phù hợp, có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo N A K, Đ NT, T M T, N T T, T V T, H V L phạm tội “Đánh bạc”

- Áp dụng: khoản 1, Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo”.

Xử phạt: Bị cáo T V T 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T V T cho UBND xã An Hiệp, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Xử Phạt: Bị cáo N A K 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N A K cho UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Xử Phạt: Bị cáo T M T 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo T M T cho UBND xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Xử Phạt: Bị cáo N T T 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo N T T cho UBND xã Châu Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự

Xử Phạt: Bị cáo H V L 07 (bảy) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo H V L cho UBND TR trấn Giồng Trôm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự

- Áp dụng: khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao về việc “Hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo”.

Xử phạt: Bị cáo Đ N T 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đ N T cho UBND xã B, huyện G, tỉnh Bến Tre giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. T hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

- Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 5.825.000 đồng.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tây đã qua sử dụng.

Trả cho bị cáo Đ N T số tiền 23.700.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo N T T số tiền 1.250.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo T V T 11.200.000 đồng.

Trả lại cho bị cáo H V L 450.000 đồng.

(Toàn bộ số vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24/11/2020 và biên lai thu tiền số 007580 ngày 24/11/2020)

3. Án phí: Áp dụng khoản 2, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a, khoản 1, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Buộc các bị cáo N A K, Đ NT, T M T, N T T, T V T, H V L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Các bị cáo N A K, Đ NT, N T T, T V T, H V L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo T M T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- Bị cáo;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Hoài Bảo

